

Số: /KH-SNN

Bắc Giang, ngày tháng 01 năm 2023

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Kế hoạch số 08/KH-UBND ngày 11/01/2023 của UBND tỉnh Bắc Giang về thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ và các Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2023

Thực hiện Kế hoạch số 08/KH-UBND ngày 11/01/2023 của UBND tỉnh Bắc Giang về thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ và các Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2022; Để kịp thời triển khai thực hiện Kế hoạch của UBND tỉnh và Kế hoạch của Bộ Nông nghiệp và PTNT, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng và ban hành kế hoạch nhằm cụ thể hóa và tổ chức, triển khai thực hiện có hiệu quả với các nội dung, nhiệm vụ chủ yếu sau:

I. BỐI CẢNH TÌNH HÌNH

Năm 2022, Ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện nhiệm vụ trong điều kiện thời tiết có diễn biến phức tạp, dị thường; tình hình thế giới, khu vực và trong nước có nhiều biến động khó lường, tình hình xung đột giữa Nga-Ukraine xảy ra, cùng với chính sách Zero COVID của Trung Quốc,... dẫn đến gián đoạn chuỗi cung ứng toàn cầu, tiêu thụ nông sản gặp nhiều khó khăn; ảnh hưởng của đại dịch Covid -19, giá nguyên liệu, nhiên liệu đầu vào phục vụ sản xuất tăng cao, diện tích đất nông nghiệp tiếp tục bị thu hẹp do phát triển công nghiệp và đô thị; lực lượng lao động trong nông nghiệp tiếp tục suy giảm mạnh do chuyển dịch sang lĩnh vực công nghiệp, xây dựng, dịch vụ... đã làm cho sản xuất nông nghiệp của tỉnh gặp nhiều khó khăn, thách thức. Trước tình hình đó, Sở Nông nghiệp và PTNT luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, Bộ Nông nghiệp và PTNT; sự hỗ trợ của các cấp, các ngành và địa phương; sự chung sức, vượt khó của tổ chức, cá nhân, bà con nông dân và sự đồng hành của doanh nghiệp và các cơ quan truyền thông. Sở Nông nghiệp và PTNT đã đoàn kết, thống nhất tập trung cao trong lãnh đạo, chỉ đạo, linh hoạt trong điều hành. Vì vậy, sản xuất nông nghiệp vẫn đạt kết quả toàn diện, nổi bật, khẳng định vững chắc vai trò là trụ đỡ của nền kinh tế. Giá trị gia tăng toàn ngành (GRDP) tăng 2,1%. Cơ cấu ngành chuyển dịch theo hướng phát huy lợi thế và đáp ứng nhu cầu của thị trường; Giá trị sản xuất/01 ha đất sản xuất nông nghiệp đạt 135 triệu đồng/ha; Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới đạt 79,7%; Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn (QCVN011:2018/BYT) đạt 56%; Tỷ lệ che phủ rừng đạt 38%.

Năm 2023 là năm bản lề thực hiện mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX. Dự báo tình hình kinh tế thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường, giá vật tư, nguyên liệu phục vụ sản xuất và tiêu thụ nông sản có xu hướng tiếp tục tăng; thiên tai dịch bệnh, biến đổi khí hậu tiếp tục đặt ra những thách thức lớn; xu hướng bảo hộ thương mại tiếp tục gia tăng, những rào cản mậu dịch tự do ngày càng tăng lên; thị trường Trung Quốc (thị trường xuất khẩu nông sản lớn của tỉnh) thời gian tới sẽ kiểm tra rất nghiêm ngặt đối với các sản phẩm thực phẩm xuất khẩu vào Trung Quốc; không gian phát triển nông nghiệp ngày càng thu hẹp... Những yếu tố trên sẽ tác động đến sản xuất, kinh doanh, đòi hỏi toàn ngành phải nỗ lực phấn đấu, tập trung nguồn lực, tận dụng thời cơ, vượt qua khó khăn, thách thức, thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp Kế hoạch của UBND tỉnh, của Bộ Nông nghiệp và PTNT thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP nhằm hoàn thành thắng lợi mục tiêu kế hoạch đề ra.

II. MỤC TIÊU

Mục tiêu của ngành năm 2023 là phát triển nền nông nghiệp sinh thái, bền vững, nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng và khả năng cạnh tranh nông sản; chuyển từ sản xuất theo sản lượng sang sản xuất nông nghiệp hiệu quả cao, nâng cao hiệu quả sản xuất và thu nhập cho người dân; tập trung nâng cao chất lượng nông sản theo tiêu chuẩn VietGap, GlobalGap, hữu cơ để mở rộng thị trường tiêu thụ trong nước và xuất khẩu; chuyển đổi số trong nông nghiệp, thực hiện cấp mã số vùng trồng và số hóa các vùng sản xuất phục vụ xuất khẩu gắn với xây dựng nông thôn mới nhằm từng bước xây dựng: “*Nông nghiệp sinh thái; nông thôn hiện đại; nông dân thông minh*”, phấn đấu hoàn thành, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu chủ yếu sau:

1. Tốc độ tăng GRDP ngành nông nghiệp 1,0%;
2. Sản lượng lương thực có hạt đạt 604.000 nghìn tấn;
3. Giá trị sản xuất/01ha đất sản xuất nông nghiệp đạt 135 -140 triệu đồng;
4. Sản lượng thịt hơi các loại đạt 259,2 nghìn tấn;
5. Sản lượng khai thác và nuôi trồng thủy sản đạt 53,3 nghìn tấn;
6. Trồng rừng tập trung 7.600 ha, trong đó rừng phòng hộ và đặc dụng 80ha và rừng sản xuất 7.520ha; Sản lượng gỗ khai thác đạt 01 triệu m³; Tỷ lệ che phủ rừng (không tính diện tích cây ăn quả): 37,8%;
7. Tỷ lệ dân số nông thôn được cung cấp nước sạch theo quy chuẩn (QCVN 01-1:2018/BYT) đạt 56,5%; tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 100%.
8. Có thêm 09 xã nông thôn mới, lũy kế 154/182 xã, chiếm 84,6%; có thêm 13 xã nông thôn mới nâng cao, lũy kế 55 xã; có thêm 09 xã nông thôn mới kiểu mẫu, lũy kế 10 xã; có thêm 93 thôn nông thôn mới kiểu mẫu, lũy kế 333 thôn; Số tiêu chí nông thôn mới bình quân đạt được/xã (tính lũy kế): 17,4 % (tăng 0,3 tiêu chí/xã so với năm 2022).

9. Có thêm ít nhất 25 sản phẩm đạt OCOP từ 3 sao trở lên, lũy kế tối thiểu có 230 sản phẩm, trong đó có 01 sản phẩm đạt 5 sao cấp quốc gia, thêm 01 sản phẩm điểm du lịch nông thôn.

10. Tỷ lệ cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh nông lâm sản, thủy sản được cấp giấy chứng nhận ATTP: 95,0%; Tỷ lệ sản xuất thâm canh rau theo tiêu chuẩn VietGap: 56,0%; Tỷ lệ sản xuất thâm canh cây ăn quả theo tiêu chuẩn VietGap: 53%; Tỷ lệ sản xuất thâm canh thủy sản theo tiêu chuẩn VietGap: 47,0%; Tỷ lệ tổng đàn chăn nuôi lợn theo tiêu chuẩn VietGap: 47,0 %; Tỷ lệ tổng đàn chăn nuôi gia cầm theo tiêu chuẩn VietGap: 49,0%;

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tổ chức rà soát, điều chỉnh, bổ sung, xây dựng các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất đáp ứng yêu cầu đổi mới sáng tạo và hội nhập quốc tế, phát triển kinh tế thị trường, nhằm khơi thông nguồn lực phát triển ngành; thực hiện đổi mới tư duy trong lãnh đạo, chỉ đạo điều hành.

Đổi mới tư duy trong lãnh đạo, chỉ đạo điều hành, chuyển từ tư duy sản xuất nông nghiệp sang phát triển kinh tế nông nghiệp gắn với nhu cầu thị trường; lấy giá trị sản xuất trên ha đất nông nghiệp và giá trị thu nhập của hộ gia đình làm định hướng chỉ đạo. Xây dựng kế hoạch của ngành; giao nhiệm vụ trọng tâm người đứng đầu cho các đơn vị ngay từ đầu năm 2023; đẩy mạnh chuyển đổi số trong nông nghiệp. Triển khai Chương trình hành động số 37-CTr/TU ngày 5/10/2022 của Tỉnh ủy và Kế hoạch số 575/KH-UBND ngày 27/10/2022 của UBND tỉnh thực hiện Chương trình hành động số 37-CTr/TU ngày 5/10/2022 của Tỉnh ủy về phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách của Trung ương, của tỉnh đã ban hành¹; đồng thời tiếp tục rà soát, sửa đổi, hoàn thiện, bổ sung

¹ Bao gồm: Chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021 - 2025 (Nghị quyết số 44/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh Bắc Giang); Quy định mức hỗ trợ khoán quản lý bảo vệ rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng tự nhiên không trồng bổ sung trên địa bàn tỉnh Bắc Giang (Quyết định số 03/2021/QĐ-UBND ngày 12/3/2021 của UBND tỉnh); Quy định cơ chế, chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2019-2025 (Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 11/7/2019 của HĐND tỉnh Bắc Giang); Quy định một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang (Nghị quyết số 24/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của HĐND tỉnh Bắc Giang); Chương trình Khuyến nông tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021 -2025 (Quyết định số 1290/QĐ-UBND ngày 27/6/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh); Đề án "Xây dựng mô hình sản xuất nông nghiệp hưu cơ tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2020-2025" (Quyết định số 1940/QĐ-UBND ngày 22/11/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh); Đề án Xây dựng vùng an toàn dịch bệnh Cúm gia cầm và Niu-cát-xon đối với gà trên địa bàn huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025 (Quyết định số 2409/QĐ-UBND ngày 04/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh); Đề án Phát triển tự động hóa trong nuôi thủy sản thâm canh tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025 (Quyết định số 2265/QĐ-UBND ngày 11/11/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh); Đề án hỗ trợ cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2020-2030 (Quyết định số 1270/QĐ-UBND ngày 26/6/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh); Đề án Hỗ trợ các cơ sở sản xuất giống dê trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2021 -2025 (Quyết định số 1263/QĐ-UBND ngày 24/6/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang); Đề án Hỗ trợ phát triển cây ăn quả bền vững trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2021 -2025 (Quyết định số 2119/QĐ-UBND ngày 22/10/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang); Đề án Xây dựng thí điểm vùng chăn nuôi bò ứng dụng công nghệ cao, tập trung quy mô lớn trên địa bàn huyện Tân Yên giai đoạn 2021 -2026 (Quyết định số 2221/QĐ-UBND ngày 5/11/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang); Đề án "Nâng cao năng lực quản lý, bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ đầu nguồn khu vực Hồ Cầm Sơn, giai đoạn 2021-2025" (Quyết định số 2185/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang), ...

chính sách hỗ trợ cho phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa tỉnh nhằm tăng cường thu hút đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị quyết số 401-NQ/TU ngày 03 tháng 4 năm 2019 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về Chiến lược phát triển nông nghiệp tỉnh Bắc Giang đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035 và Kế hoạch số 115/KH-UBND ngày 30/5/2019 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 401-NQ/TU của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ; nhất là cơ chế, chính sách phát triển các sản phẩm chủ lực, đặc sản (OCOP) theo quy trình sản xuất tiên tiến, sản xuất theo chuỗi giá trị và sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

Tham mưu xây dựng các nội dung trình Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh năm 2023 như sau: (1) Báo cáo của Ban cán sự Đảng UBND tỉnh về kết quả rà soát, đánh giá hiệu quả, khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện các cơ chế, chính sách, đề án, dự án về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; đề xuất điều chỉnh, bổ sung, thay thế; Nghị quyết; (2) Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định nội dung chi và mức chi hỗ trợ sản xuất giống cây, con thuộc Chương trình phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 -2030; (3) Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2023 – 2026; (4) Dự thảo Quyết định của UBND tỉnh ban hành Bộ tiêu chí nông thôn mới thực hiện tại các thôn thuộc các xã đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; (5) Dự thảo Quyết định bãi bỏ Quyết định số 669/2015/QĐ -UBND ngày 20/11/2015 của UBND tỉnh ban hành Quy định về tiêu chí, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; (6) Dự thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quyết định số 11/2018/QĐ - UBND ngày 15/5/2018 của UBND tỉnh Bắc Giang quy định Bộ tiêu chí thôn nông thôn mới kiểu mẫu và thẩm quyền xét, công nhận, công bố thôn nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; (7) Dự thảo Quy chế của UBND tỉnh về phối hợp trong công tác phòng ngừa, xử lý vi phạm pháp luật về đê điều trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; (8) Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

2. Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp cơ cấu lại ngành gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo chiều sâu, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của các sản phẩm nông nghiệp của tỉnh.

Tập trung thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp để cơ cấu lại ngành nông nghiệp một cách thiết thực, hiệu quả, gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng và xây dựng nông thôn mới. Mở rộng và phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung quy mô lớn áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, quy trình sản xuất tiên tiến theo các trục sản phẩm "nhóm sản phẩm chủ lực cấp tỉnh" và "nhóm sản phẩm đặc sản địa phương" (OCOP) nhằm khai thác tối đa lợi thế, tiềm năng của

mỗi vùng, của từng địa phương. Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ gắn với công nghiệp chế biến. Triển khai thực hiện tốt Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025²; chuyển đổi cơ cấu sản xuất kinh doanh cây trồng, vật nuôi thích ứng với biến đổi khí hậu, đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng các vùng sản xuất, tạo điều kiện thu hút các tổ chức, doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

a) Đối với lĩnh vực trồng trọt:

- *Chỉ tiêu sản xuất:* Diện tích cây lương thực có hạt 108.000 ha, sản lượng 604.000 tấn; diện tích vải thiều 29.700 ha, sản lượng 160.000 tấn; diện tích cam 3.700 ha, sản lượng 36.000 tấn; diện tích bưởi 5.670 ha, sản lượng 40.800 tấn. Tỷ lệ sản xuất thâm canh rau theo tiêu chuẩn VietGAP đạt 56,0%. Tỷ lệ sản xuất thâm canh cây ăn quả theo tiêu chuẩn VietGAP đạt 53,0%. Giá trị sản xuất/01 ha đất sản xuất nông nghiệp đạt 135 – 140 triệu đồng/ha.

- *Nhiệm vụ, giải pháp:*

Tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu lại lĩnh vực trồng trọt theo hướng tập trung phát triển sản xuất các sản phẩm, cây trồng chủ lực phù hợp với lợi thế và nhu cầu thị trường, trên cơ sở tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, nhất là công nghệ cao (CNC) vào sản xuất; Cơ cấu lại sản xuất theo hướng giảm tỷ trọng giá trị sản xuất cây lương thực, tăng tỷ trọng cây ăn quả và cây rau. Tập trung chỉ đạo phát triển cây ăn quả bền vững, mở rộng thị trường tiêu thụ trong nước và đẩy mạnh xuất khẩu. Triển khai cấp, quản lý mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói phục vụ tiêu thụ trong nước và xuất khẩu năm 2023³ theo kế hoạch. Mở rộng diện tích sản xuất rau an toàn, sản xuất vải theo tiêu chuẩn VietGap, GlobalGap; Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, sử dụng giống mới có năng suất và chất lượng cao, thực hiện các giải pháp quy trình kỹ thuật tiên tiến, cơ giới hóa và phát triển mạnh công nghệ chế biến, bảo quản sau thu hoạch.

Tiếp tục chuyển đổi cơ cấu giống, cây trồng, sản phẩm phù hợp với lợi thế và nhu cầu thị trường, thích ứng với biến đổi khí hậu. Tăng cường sử dụng giống tốt, giống chất lượng cao, phù hợp với vùng sinh thái, kết hợp với các quy trình thâm canh tốt, ứng dụng khoa học, công nghệ, áp dụng cơ giới hóa để giảm chi phí sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng, tăng nhanh giá trị và khả năng cạnh tranh của từng sản phẩm. Phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung, quy mô lớn, tổ chức sản xuất theo chuỗi đối với các sản phẩm chủ lực. Quản lý chặt chẽ việc sử dụng các mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói quả tươi để phục vụ xuất khẩu, đặc biệt đối với thị trường Trung Quốc.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và dự báo, phòng trừ sâu bệnh. Kiểm soát chặt chẽ sản xuất, kinh doanh phân bón, thuốc bảo vệ thực vật. Triển khai thực hiện tốt Đề án hỗ trợ phát triển sản xuất cây ăn quả bền vững trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2021 -2025. Tiếp tục mở rộng các mô hình sản

² Kế hoạch số 685/KH-UBND ngày 23/12/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang

³ Kế hoạch số 85/KH SNN ngày 27/12/2022 của Sở Nông nghiệp và PTNT

xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, mô hình liên kết sản xuất có sự tham gia của doanh nghiệp, HTX. Khuyến khích thành lập các HTX, liên hiệp HTX, tổ hợp tác trong sản xuất trồng trọt.

b) Đối với lĩnh vực chăn nuôi

- *Chỉ tiêu sản xuất:* Tổng đàn trâu 31,5 nghìn con; tổng đàn bò 116 nghìn con; tổng đàn lợn 930 nghìn con; tổng đàn gia cầm 20 triệu con, trong đó đàn gà 17 triệu con. Tỷ lệ tổng đàn chăn nuôi lợn theo tiêu chuẩn VietGAP đạt 47,0%. Tỷ lệ tổng đàn chăn nuôi gia cầm theo tiêu chuẩn VietGAP đạt 49%. Sản lượng thịt hơi các loại 259,2 nghìn tấn.

- *Nhiệm vụ, giải pháp:*

Đẩy mạnh thực hiện cơ cấu lại lĩnh vực chăn nuôi; chuyển dịch cơ cấu đàn vật nuôi theo hướng tăng tỷ trọng gia cầm (trọng tâm là tăng gà lông màu, vịt đẻ trứng) và gia súc ăn cỏ (bò, dê, ngựa); thực hiện các biện pháp đẩy mạnh tái đàn lợn sau dịch tả lợn Châu Phi; phát triển chăn nuôi theo quy mô trang trại, duy trì chăn nuôi nông hộ nhưng theo hướng hữu cơ; tiếp tục mở rộng chăn nuôi áp dụng quy trình thực hành nông nghiệp tốt (GAP), đảm bảo an toàn dịch bệnh, an toàn sinh học, thân thiện với môi trường không để dịch bệnh nguy hiểm xảy ra trên địa bàn. Nâng cao chất lượng đàn vật nuôi, nhất là đối với đàn gà và đàn lợn để hướng đến xuất khẩu chính ngạch.

Tập trung cao cho công tác phòng chống dịch động vật, không để dịch lây lan trên diện rộng; phân đầu sản lượng thịt hơi năm 2022 đạt trên 259 nghìn tấn, tăng 2,5% so với năm 2022.

Triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án xây dựng cơ sở an toàn dịch bệnh cúm gia cầm Niu – cat – xon trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025; Đề án Hỗ trợ các cơ sở sản xuất giống dê trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2021-2025; Đề án xây dựng thí điểm vùng chăn nuôi bò ứng dụng công nghệ cao, tập trung quy mô lớn trên địa bàn huyện Tân Yên, giai đoạn 2021-2026; hỗ trợ chuỗi liên kết sản xuất chăn nuôi theo Nghị quyết số 44/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 Quy định chính sách liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021 -2025.

Tăng cường công tác giám sát, phòng chống dịch bệnh; tổ chức kiểm soát, ngăn chặn buôn bán, vận chuyển trái phép gia súc, gia cầm, sản phẩm chăn nuôi trên địa bàn; đẩy mạnh kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y tại các cơ sở chăn nuôi, giết mổ; kiểm tra kiểm soát các cơ sở sản xuất kinh doanh giống vật nuôi, thuốc thú y, thức ăn chăn nuôi đặc biệt là sử dụng chất cấm trong chăn nuôi,... Tiếp tục hướng dẫn người chăn nuôi giảm chi phí đầu vào, nâng cao thu nhập.

c) Đối với lĩnh vực thủy sản

- *Chỉ tiêu sản xuất:* Diện tích nuôi thủy sản 12.000 ha; Tỷ lệ sản xuất thâm canh thủy sản theo tiêu chuẩn VietGAP đạt 47%. Sản lượng thủy sản 53.300 tấn.

- *Nhiệm vụ, giải pháp:*

Đẩy mạnh thực hiện cơ cấu lĩnh vực thủy sản, theo hướng cơ cấu lại giống nuôi, đưa các giống có năng suất, giá trị cao vào sản xuất. Phát triển nuôi trồng và khai thác thủy sản hiệu quả, bền vững bảo vệ môi trường sinh thái, gắn phát triển với nuôi trồng thủy sản và du lịch sinh thái. Tập trung mở rộng diện tích nuôi thâm canh, bán thâm canh, nuôi theo hướng VietGAP để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm; tổ chức liên kết sản xuất theo chuỗi. Thực hiện tốt việc quản lý các cơ sở sản xuất giống, tăng cường công tác bình tuyển đàn cá bố mẹ; chuyển giao công nghệ sản xuất một số giống thủy sản có giá trị kinh tế cao cho các cơ sở sinh sản nhân tạo trên địa bàn; làm tốt công tác khuyến ngư; tổ chức liên kết sản xuất theo chuỗi; phát triển nuôi thâm canh ứng dụng công nghệ cao; xây dựng các mô hình nuôi cá an toàn sinh học, nuôi theo tiêu chuẩn VietGAP tại các địa phương có điều kiện phù hợp.

Tăng cường công tác kiểm tra chất lượng thức ăn thủy sản và thanh tra bảo vệ nguồn lợi thủy sản. Thực hiện có hiệu quả các đề án, chính sách về hỗ trợ phát triển vùng nuôi thủy sản tập trung đạt tiêu chuẩn VietGAP và hạ tầng nuôi thủy sản trên địa bàn.

d) Đối với lĩnh vực Lâm nghiệp

- *Chỉ tiêu sản xuất:* Trồng rừng tập trung 7.600 ha, trong đó rừng phòng hộ, đặc dụng 80 ha, rừng sản xuất 7.520 ha; bảo vệ 160.000 ha rừng; chăm sóc rừng trồng 15.820 ha, trong đó rừng phòng hộ, đặc dụng 354,0 ha; trồng cây phân tán 6,1 triệu cây; tỷ lệ che phủ rừng 37,8%; sản lượng gỗ khai thác rừng trồng 01 triệu m³.

- Nhiệm vụ, giải pháp:

Tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước về công tác quản lý, bảo vệ, phát triển rừng. Tổ chức thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; Kế hoạch số 30-KH/TU ngày 27/02/2017 về thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW và các quy định của Nhà nước về công tác quản lý, bảo vệ, phát triển rừng; gắn trách nhiệm người đứng đầu cấp ủy, chính quyền đối với công tác lãnh đạo quản lý, bảo vệ, phát triển rừng ở địa phương theo Nghị quyết số 249-NQ/TU ngày 01/11/2017 của Ban Thường vụ tỉnh ủy về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; triển khai thực hiện tốt Kế hoạch số 12/KH-UBND ngày 31/01/2018 của UBND tỉnh về việc thực hiện Nghị quyết số 249-NQ/TU của Ban Thường vụ tỉnh ủy để nâng cao nhận thức của các cấp ủy, chính quyền địa phương, doanh nghiệp và người dân về công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về ý thức trách nhiệm, tính chủ động trong thực hiện nhiệm vụ được giao của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức. Phối hợp với các huyện, thành phố tăng cường công tác quản lý, bảo vệ rừng; phấn đấu năm 2023 giảm 20% số vụ và diện tích thiệt hại do chặt, phá rừng tự nhiên trái pháp luật so với năm 2022.

Xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện tốt Kế hoạch Tết trồng cây năm Quý Mão; thực hiện Đề án “Trồng 1 tỷ cây xanh giai đoạn 2021 -2025”, góp phần bảo vệ môi trường, giảm nhẹ thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu. Tiếp tục triển khai thực hiện Quyết định số 03/2021/QĐ-UBND ngày 12/3/2021 của UBND tỉnh về Quy định khoán bảo vệ rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng tự nhiên không trồng bổ sung trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện tái cơ cấu lĩnh vực lâm nghiệp, nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị rừng trồng sản xuất. Khuyến khích các doanh nghiệp, hộ gia đình liên kết đầu tư kinh phí trồng rừng thâm canh gỗ lớn; tăng cường quản lý giống cây lâm nghiệp, đưa giống mới, nâng cao tỷ lệ giống sản xuất từ công nghệ cây mô, có năng suất cao vào trồng rừng. Thực hiện điều chỉnh cơ cấu 3 loại rừng phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của tỉnh theo hướng giảm diện tích rừng sản xuất, giữ ổn định diện tích rừng đặc dụng, phòng hộ nhưng vẫn đảm bảo phát huy hiệu quả chức năng phòng hộ; đảm bảo độ che phủ rừng 37,8%; tăng cường quản lý chặt chẽ việc chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác. Phát triển rừng kinh tế bền vững, lựa chọn đưa vào trồng rừng giống mới, giống có năng suất cao, cây dược liệu, cây lâm sản ngoài gỗ; khuyến khích, hỗ trợ trồng rừng gỗ lớn, trồng rừng có chứng chỉ FSC; phát triển kinh tế dưới tán rừng nâng cao thu nhập và bảo vệ rừng bền vững. Triển khai thực hiện Đề án Phát triển huyện Yên Thế trở thành trung tâm sản xuất giống cây trồng lâm nghiệp tỉnh Bắc Giang đảm bảo tiến độ, hiệu quả.

Tổ chức thực hiện tốt Phương án PCCCR: Chú trọng thực hiện các biện pháp phòng cháy; phát hiện kịp thời, tổ chức chữa cháy rừng theo phương châm 4 tại chỗ, đặc biệt quan tâm công tác PCCCR tại các xã trọng điểm cháy rừng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang (theo Quyết định số 2465/QĐ-UBND ngày 12/01/2021 của UBND tỉnh); kịp thời thông tin cảnh báo cháy rừng; huy động lực lượng, phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương dập lửa khi có cháy rừng xảy ra; đảm bảo an toàn về người và tài sản khi chữa cháy, hạn chế thấp nhất thiệt hại do cháy rừng gây ra.

4. Đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất

Tổ chức triển khai thực hiện Chương trình phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2030, ưu tiên sản xuất giống chất lượng cao, tham mưu cho Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh ban hành chính sách “*Quy định nội dung chi và mức chi hỗ trợ sản xuất giống cây, con thuộc Chương trình phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu ngành nông nghiệp*”. Đẩy nhanh tiến độ chuyển đổi số, phát triển kinh tế số trong nông nghiệp, nông thôn. Tăng cường ứng dụng, chuyển giao khoa học công nghệ, nhất là công nghệ cao theo hướng chú trọng nông nghiệp thông minh; triển khai các giải pháp đề tận dụng tối đa cơ hội của Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, đặc biệt là các lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao, hữu cơ, công nghệ sinh học... Ưu tiên đề xuất, đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo Kế hoạch số 115/KH-UBND ngày 30/5/2019 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 401-NQ/TU ngày

03/4/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Chiến lược phát triển nông nghiệp tỉnh Bắc Giang đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035 và Kế hoạch số 575/KH-UBND ngày 27/10/2022 của UBND tỉnh thực hiện Chương trình hành động số 37-CTr/TU ngày 5/10/2022 của Tỉnh ủy về phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Mở rộng các mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; nuôi trồng theo tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP, hữu cơ; phối hợp với các Viện nghiên cứu, Trường Đại học... chọn tạo các giống cây, con tốt, mang nét đặc trưng của địa phương để có thể sản xuất các sản phẩm chất lượng cao. Triển khai và thực hiện tốt Chương trình Khuyến nông tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2021-2025⁴ để đẩy mạnh việc ứng dụng, chuyển giao khoa học kỹ thuật, công nghệ mới, đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn kiến thức khoa học kỹ thuật cho nông dân và hỗ trợ nông dân kết nối, tiếp cận với các dịch vụ khoa học công nghệ. Huy động nguồn lực từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tham gia chuyển giao khoa học công nghệ trong nông nghiệp, qua đó góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh của các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp để nâng cao hiệu quả kinh tế; thích ứng với các điều kiện sinh thái, khí hậu và môi trường.

5. Phát triển thị trường, đẩy mạnh xúc tiến thương mại; phát triển mạnh mẽ thương mại điện tử trong nông nghiệp.

Đẩy mạnh xúc tiến thương mại, ứng dụng thương mại điện tử để quảng bá, tiếp thị sản phẩm tại thị trường trong và nước ngoài; triển khai hiệu quả Kế hoạch hỗ trợ đưa hộ sản xuất nông nghiệp lên sàn thương mại điện tử, thúc đẩy phát triển kinh tế số nông nghiệp, nông thôn tỉnh Bắc Giang. Vận dụng có hiệu quả các quy định, chính sách đã được ban hành về xúc tiến thương mại nhằm hỗ trợ các HTX, doanh nghiệp mở rộng thị trường xuất khẩu, nâng cao giá trị sản phẩm và chú trọng thị trường nội địa với gần 100 triệu dân; đa dạng hóa các kênh phân phối sản phẩm chủ lực; hỗ trợ nông dân kết nối với các doanh nghiệp chế biến, hệ thống tiêu thụ sản phẩm, từng bước hình thành mạng lưới sản xuất và chuỗi cung ứng kết nối sản xuất, chế biến, phân phối và mua, bán sản phẩm để đưa nông sản sạch vào các siêu thị trong và ngoài tỉnh.

Nâng cao chất lượng, tăng sức cạnh tranh và tiếp cận thị trường cho sản phẩm nông nghiệp, gia tăng xuất khẩu nông sản có lợi thế của tỉnh vào các thị trường khó tính như Mỹ, Nhật, EU... Tăng cường năng lực nghiên cứu, dự báo và thông tin thị trường trong bối cảnh tác động của dịch bệnh còn diễn biến phức tạp để tổ chức sản xuất, tiêu thụ hiệu quả.

6. Tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra chuyên ngành; quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp và vệ sinh ATTP

Tăng cường tập huấn, tuyên truyền, hướng dẫn người sản xuất sử dụng các loại phân bón hữu cơ, thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc sinh học, giảm sử dụng

⁴ Quyết định số 1290/QĐ-UBND ngày 27/6/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh.

các loại phân bón vô cơ, hóa chất bảo vệ thực vật, sản xuất quy trình VietGap, GlobalGap, hữu cơ; giám sát, dự báo và thực hiện tốt các biện pháp phòng, trừ sâu bệnh để nâng cao chất lượng, bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm cho nông sản. Triển khai các cơ chế, chính sách, đề án, mô hình sản xuất các sản phẩm chủ lực, đặc sản theo quy trình sản xuất tiên tiến (VietGap, GlobalGap, hữu cơ) trong các lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, thủy sản đến các hộ sản xuất.

Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các Nghị quyết, chỉ thị, Chương trình, kế hoạch hành động về công tác đảm bảo an toàn thực phẩm. Đẩy mạnh xây dựng các chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn, nhất là cho các đô thị lớn; tổ chức sản xuất theo hướng tập trung đảm bảo an toàn thực phẩm, áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến; tăng cường sử dụng vật tư nông nghiệp theo hướng hữu cơ. Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát, thanh tra vật tư nông nghiệp, công tác kiểm dịch thú y, kiểm dịch thực vật; kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các hành vi sử dụng hóa chất không đúng quy định trong sản xuất nông nghiệp, các hành vi vận chuyển, buôn bán gia súc, gia cầm nhiễm bệnh, mang mầm bệnh, giết mổ trái phép trên địa bàn; công bố công khai những tổ chức và cá nhân vi phạm trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản. Triển khai các chương trình giám sát ATTP, đôn đốc, kiểm tra tình hình thực hiện Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định kiểm tra cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và kiểm tra, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện ATVSTP.

7. Phát triển nông thôn và xây dựng nông thôn mới, gắn kết với phát triển kinh tế nông nghiệp, nâng cao đời sống cho dân cư nông thôn

- Chỉ tiêu kế hoạch: Số tiêu chí nông thôn mới bình quân năm 2023 toàn tỉnh đạt được/xã là 17,4 tiêu chí (tăng 0,3 tiêu chí so với năm 2022); số xã đạt chuẩn nông thôn mới trong năm 2023 là 09 xã (lũy kế đến hết năm 2022 có 154/182 xã đạt chuẩn xây dựng nông thôn mới, chiếm 84,6%); tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 100,0%, tỷ lệ dân số nông thôn được cung cấp nước sạch đạt quy chuẩn (QCVN 01-1:2018/BYT) là 56,5%. Số sản phẩm được công nhận OCOP 3 sao trở lên 25 sản phẩm, lũy kế đến hết năm 2023 có 230 sản phẩm.

- Nhiệm vụ, giải pháp:

+ *Xây dựng Nông thôn mới*: Phối hợp với các ngành liên quan, các huyện, thành phố đầu tư nâng cấp và hiện đại hóa kết cấu hạ tầng nông thôn đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị. Tập trung xây dựng, hoàn thiện, bảo trì hạ tầng thiết yếu phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, ưu tiên đầu tư phát triển hệ thống giao thông, thủy lợi, hạ tầng công nghệ thông tin, thương mại, y tế giáo dục, văn hóa, thể thao; .. Đổi mới nội dung, nâng cao hiệu quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới phù hợp với trình độ phát triển, văn hóa và điều kiện cụ thể của từng địa phương, đảm bảo thực chất, đi vào

chiều sâu, hiệu quả và bền vững, tránh dàn trải, lãng phí. Tập trung nguồn lực hỗ trợ, đầu tư các xã, các huyện chưa đạt chuẩn nông thôn mới; hỗ trợ các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới tiếp tục duy trì, hoàn thiện và nâng cao chất lượng các tiêu chí, bảo đảm bền vững. rà soát, hoàn thiện Bộ tiêu chí, cơ chế chính sách và hướng dẫn thực hiện Chương trình, đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế; triển khai 06 Chương trình chuyên đề trọng tâm nhằm nâng cao chất lượng đời sống của người dân nông thôn và giải quyết các vấn đề bức xúc, tồn tại trong xây dựng nông thôn mới. Phấn đấu năm 2023: Có thêm 09 xã nông thôn mới, lũy kế 154/182 xã, chiếm 84,6%;

+ *Thực hiện Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP)*: Đẩy mạnh thực hiện hiệu quả Chương trình OCOP, nâng cao chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn trong nước và quốc tế; ứng dụng công nghệ số trong đánh giá, phân hạng, quản lý sản phẩm đạt OCOP; tổ chức đánh giá lại các sản phẩm hết thời gian công nhận; gắn Chương trình OCOP với phát triển ngành nghề nông thôn và du lịch nông thôn. Phấn đấu năm 2023: Có thêm ít nhất 25 sản phẩm đạt OCOP từ 3 sao trở lên, lũy kế tối thiểu có 230 sản phẩm, trong đó có 01 sản phẩm đạt 5 sao cấp quốc gia, thêm 01 sản phẩm điểm du lịch nông thôn.

+ *Phát triển ngành nghề nông thôn*: Triển khai Chương trình hành động số 38-CTr/TU ngày 10/10/2022 của BTV Tỉnh uỷ và Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 38-CTr/TU ngày 10/10/2022 của BTV Tỉnh uỷ về thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16/6/2022 của BCH TW Đảng khoá XIII về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới. Cùng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động của các HTX nông nghiệp, phát triển HTX nông nghiệp gắn liền với sản phẩm ngành nghề nông thôn, sản phẩm chủ lực, đặc trưng, tiềm năng của tỉnh và sản phẩm OCOP. rà soát, bổ sung chính sách hỗ trợ HTX nông nghiệp. Phấn đấu năm 2023 thành lập thêm tối thiểu 20 HTX nông nghiệp; nâng cao chất lượng hoạt động của các HTX nông nghiệp, trên 60% HTX nông nghiệp hoạt động hiệu quả; giảm số HTX nông nghiệp yếu kém, giải quyết dứt điểm tình trạng HTX nông nghiệp hoạt động không hiệu quả, ngừng hoạt động.

8. Nâng cao hiệu quả quản lý các công trình thủy lợi, chủ động phòng chống, giảm nhẹ thiên tai và các công trình nước sạch tập trung

- Chỉ tiêu kế hoạch: Tưới cho 153.702 ha, trong đó lúa Chiêm Xuân 48.000 ha; lúa mùa 50.000 ha; rau màu, cây công nghiệp ngắn ngày 51.900 ha; cây ăn quả, cây công nghiệp lâu năm 3.802 ha. Tiêu cho diện tích 136.735 ha; Tỷ lệ dân số nông thôn được cung cấp nước sạch theo quy chuẩn (QCVN 01-1:2018/BYT) đạt 56,5%; tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 100%.

- Nhiệm vụ, giải pháp

+ Đẩy mạnh tái cơ cấu lĩnh vực thủy lợi, trọng tâm là nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý, khai thác công trình thủy lợi, đảm bảo nhu cầu cung cấp nước cho thâm canh cây trồng, nuôi trồng thủy sản, công nghiệp và phục vụ đời sống

dân cư; đẩy mạnh áp dụng kỹ thuật tưới tiết kiệm ở nơi có điều kiện tạo ra đột phá về năng suất chất lượng đối với cây trồng cạn.

+ Thực hiện tốt công tác quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh; thường xuyên kiểm tra, thực hiện duy tu, sửa chữa công trình, phục vụ công tác chống hạn, chống úng đảm bảo an toàn công trình thủy lợi, đề điều; vận hành, điều tiết hệ thống công trình thủy lợi theo đúng quy trình đã được phê duyệt; theo dõi, kiểm tra phát hiện và xử lý kịp thời ngay từ đầu các sự cố có thể xảy ra bảo đảm an toàn công trình phòng chống lũ, bão. Tập trung xử lý các trường hợp vi phạm về đề điều.

+ Triển khai Kế hoạch phòng, chống thiên tai giai đoạn 2021-2025 tỉnh Bắc Giang và Phương án ứng phó với thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai. Nâng cấp hệ thống kênh mương, công trình trên kênh, đầu tư xây dựng bổ sung hồ đập vừa và nhỏ, trạm bơm đồng bộ với hệ thống kênh mương để tăng tỷ lệ diện tích được cấp nước và tăng khả năng tiêu thoát nước của hệ thống. Ưu tiên hệ thống công trình thủy lợi phục vụ cấp nước khu vực miền núi các huyện Sơn động, Lục Ngạn, Lục Nam, Yên Thế; tiêu nước vùng trũng các huyện Yên Dũng, Việt Yên và TP Bắc Giang; tăng cường phối hợp liên ngành để dự báo, cảnh báo lũ, vận hành an toàn hồ chứa và phòng chống lũ cho vùng hạ du đập.

+ Tập trung chỉ đạo thi công các dự án nâng cấp hồ đập, đề điều đảm bảo chất lượng và đúng tiến độ theo quy định.

+ Tăng cường công tác kiểm tra phát hiện các sự cố về đề điều, đề xuất các phương án phòng tránh, xử lý khắc phục sự cố; tổ chức trực ban 24/24 giờ, theo dõi, cập nhật về tình hình mưa, bão, lũ, lốc, các thiên tai khác và đề xuất kịp thời với Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của tỉnh phương án xử lý sự cố các công trình thủy lợi, đề điều và xử lý tình huống, khắc phục hậu quả do thiên tai gây ra, đảm bảo sản xuất, đời sống và tính mạng của nhân dân.

+ Tập trung tham mưu UBND tỉnh thực hiện các nội dung HĐND tỉnh đã giám sát về công tác quản lý, khai thác, kinh doanh các công trình cấp nước sinh hoạt tập trung ở nông thôn trên địa bàn tỉnh. Tham mưu giao các công trình chưa giao quản lý, khai thác theo quy định; đôn đốc các doanh nghiệp quản lý, khai thác thực hiện ký kết hợp đồng quản lý, khai thác, phê duyệt giá nước. Phối hợp với các huyện tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá hoạt động của các công trình nước tập trung, bố trí nguồn vốn để duy tu, sửa chữa, nâng cấp các công trình đảm bảo hoạt động hiệu quả, kịp thời tham mưu UBND tỉnh thanh lý đối với những công trình không còn khả năng hoạt động.

9. Cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, phát triển doanh nghiệp; Tăng cường quản lý, nâng cao chất lượng công tác quản lý đầu tư xây dựng cơ bản, thu hút đầu tư

- Cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, phát triển doanh nghiệp: Tiếp tục rà soát cắt giảm thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh tạo môi trường thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp.

- Tăng cường quản lý, nâng cao chất lượng công tác quản lý đầu tư xây dựng cơ bản, thu hút đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông nghiệp, nông thôn.

+ Triển khai thực hiện nghiêm Luật Đầu tư Công số 39/2019/QH14; Luật sửa đổi bổ sung một số Điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 và các quy định hiện hành về quản lý đầu tư công, quản lý dự án đầu tư xây dựng của TW và của tỉnh. Tập trung chỉ đạo thực hiện các dự án thuộc ngành quản lý đảm bảo chất lượng, tiến độ và an toàn tuyệt đối, sớm phát huy hiệu quả đầu tư. Nâng cao chất lượng công tác quản lý đầu tư xây dựng, việc giao chủ đầu tư cho các đơn vị không đủ điều kiện về năng lực, nâng cao chất lượng công tác tư vấn, công tác đấu thầu; tiếp tục siết chặt xử lý nợ đọng XDCB; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm các vi phạm liên quan đến hoạt động đầu tư XDCB.

+ Đẩy mạnh thu hút doanh nghiệp và các thành phần kinh tế đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Mời gọi các doanh nghiệp có quy mô lớn, thương hiệu mạnh, nâng lực cạnh tranh cao tham gia vào đầu tư, sản xuất, kinh doanh. Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND các huyện, thành phố hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi để thu hút doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2019 của Chính phủ; Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 11/7/2019 của HĐND tỉnh Quy định cơ chế, chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2019-2025; Quyết định số 11/2020/QĐ-UBND ngày 26/5/2020 của UBND tỉnh Quy định mức hỗ trợ từng loại hạng mục, công trình đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; phát triển các hình thức đầu tư có sự tham gia của nhà nước và tư nhân theo Nghị định số 63/2018/NĐ-CP ngày 04/5/2018 về đầu tư theo hình thức đối tác công tư, để huy động nguồn lực xã hội cho phát triển nông nghiệp, nông thôn.

10. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của ngành; đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; nghiêm túc thực hiện Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Luật Phòng chống tham nhũng; nâng cao chất lượng giải quyết khiếu nại tố cáo

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, sắp xếp tổ chức bộ máy quản lý ngành

+ *Về cải cách hành chính, hiện đại hóa công sở:* Triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 6478/KH-UBND ngày 26/12/2022 của UBND tỉnh về cải cách hành chính Nhà nước năm 2023; Kế hoạch số 402/KH-UBND ngày 21/8/2021 của UBND tỉnh về cải cách hành chính nhà nước tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2030; đẩy mạnh chuyển đổi số, tạo chuyển biến rõ nét trong các hoạt động của các cơ quan hành chính. Chuyển đổi số mạnh mẽ trong công tác quản lý để có chính sách, điều hành kịp thời phát triển nông nghiệp như: dự báo, quản lý quy hoạch. Tiếp tục đổi mới công tác chỉ đạo điều hành, tham mưu, đề xuất đơn giản hóa các thủ tục hành chính, cập nhật kịp thời triển khai các nhiệm vụ về cải cách, kiểm soát thủ tục hành chính mới; kịp thời công bố, công khai các TTHC mới ban hành; sửa đổi, bổ sung; bãi bỏ hoặc hủy bỏ trên Cơ sở dữ liệu

quốc gia về TTHC, Cổng thông tin điện tử của Sở và nơi tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính. Nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp trong tiếp cận các dịch vụ công thuộc ngành quản lý.

+ *Về củng cố và hoàn thiện hệ thống tổ chức quản lý ngành; đẩy mạnh cải cách công vụ, công chức:* Kiện toàn tổ chức bộ máy hành chính nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực hiệu quả theo quy định. Thực hiện tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ công chức, viên chức trên cơ sở vị trí việc làm, số lượng người làm việc, tiêu chuẩn ngạch bậc công chức, chức danh nghề nghiệp và chức danh lãnh đạo, quản lý; tăng cường trách nhiệm phối hợp trong công tác. Thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính. Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc thực hiện nhiệm vụ được giao, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong thực thi công vụ; nâng cao ý thức trách nhiệm, tinh thần phục vụ nhân dân của cán bộ, công chức, viên chức trong toàn ngành. Đổi mới phương thức, lề lối làm việc.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, thực hành tiết kiệm và quyết liệt phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

+ Tuyên truyền, phổ biến Nghị định 122/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 của Chính phủ về Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch đầu tư...

+ Chủ động triển khai thanh tra, kiểm tra việc thực thi các quy định của pháp luật về các lĩnh vực được giao; trọng tâm là vật tư nông nghiệp, an toàn thực phẩm, phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực...

+ Nâng cao trách nhiệm người đứng đầu trong giải quyết khiếu nại tố cáo và phòng chống tham nhũng. Giải quyết kịp thời, dứt điểm các vụ khiếu nại, tố cáo, giải quyết kịp thời các vụ việc, mâu thuẫn mới phát sinh ngay tại cơ sở.

11. Thực hiện tốt công tác dự báo thống kê; thông tin tuyên truyền, thi đua, khen thưởng

Nâng cao năng lực công tác thống kê, dự báo đáp ứng yêu cầu quản lý, điều hành và phục vụ sản xuất, kinh doanh. Thực hiện tốt công tác phối hợp về thống kê và chia sẻ thông tin với Cục Thống kê tỉnh. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác quản lý. Phối hợp với các ngành, địa phương để phát triển hệ thống thông tin thị trường hỗ trợ sản xuất kinh doanh và hoạch định chính sách cho phù hợp.

Tăng cường công khai, minh bạch và cung cấp thông tin về các vấn đề của ngành được xã hội quan tâm để tạo sự đồng thuận và quyết tâm cao trong triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch năm 2023. Kịp thời đánh giá, tổng kết và phản ánh hoạt động của ngành; phát hiện, phê bình và ngăn chặn kịp thời những hiện tượng tiêu cực, sách nhiễu; biểu dương những gương người tốt, việc làm hay để nhân rộng trong ngành, đưa phong trào thi đua trở thành động lực thúc đẩy hoàn thành nhiệm vụ chính trị của toàn ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

Thực hiện tốt phong trào thi đua do Bộ Nông nghiệp và PTNT, UBND tỉnh như: “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới và đô thị văn minh”, “Đoàn kết, sáng tạo”. Thực hiện tốt Kế hoạch số 12 /KH-SNN ngày 17/01/2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT về phát động phong trào thi đua ngành Nông nghiệp và PTNT năm 2023 với chủ đề “*Đoàn kết, kỷ cương, đổi mới, sáng tạo thi đua thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ chính trị năm 2023*”; “Thi đua chung sức xây dựng nền nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân thông minh”, “Thi đua chung sức thực hiện cơ cấu lại ngành và xây dựng nông thôn mới; phát triển nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao”...

(Chi tiết phân công nhiệm vụ cụ thể cho các đơn vị theo phụ lục gửi kèm theo)

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các phòng, ban, đơn vị trực thuộc Sở theo chức năng, nhiệm vụ được phân công; căn cứ Kế hoạch này ***xây dựng kế hoạch cụ thể của đơn vị mình***, trong đó xác định rõ từng mục tiêu, nhiệm vụ, thời gian và phân công người thực hiện chịu trách nhiệm. Kế hoạch của các đơn vị gửi về Sở Nông nghiệp và PTNT **trước ngày 10/02/2023** để theo dõi, đôn đốc, kiểm tra tiến độ thực hiện.

2. Định kỳ hàng tháng (*trước ngày 20*), quý (*trước ngày 20 của tháng cuối quý*), 6 tháng (*trước ngày 15 tháng 6*) và cả năm (*trước ngày 15 tháng 12*), các đơn vị, phòng ban báo cáo kết quả thực hiện về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, trong đó nêu rõ việc đã hoàn thành, việc chưa hoàn thành, nguyên nhân và các giải pháp thực hiện tiếp theo. Báo cáo của các đơn vị, phòng ban gửi về Sở Nông nghiệp và PTNT (qua phòng Kế hoạch-Tài chính; Văn phòng Sở) theo địa chỉ: ***khct_snnptnt@bacgiang.gov.vn*** và ***so_nnptnt_vt@bacgiang.gov.vn*** để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh theo quy định. Kết quả thực hiện sẽ được xem là một tiêu chí đánh giá người đứng đầu tại các đơn vị.

3. Giao phòng Kế hoạch - Tài chính chủ trì, phối hợp với Văn phòng Sở, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, tổng hợp đánh giá kết quả thực hiện báo cáo Giám đốc Sở, UBND tỉnh và Bộ Nông nghiệp và PTNT theo quy định./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và PTNT (b/c);
- UBND tỉnh (b/c);
- PCT UBND tỉnh Lê ô Pích (b/c);
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Giám đốc, các PGĐ Sở;
- Các phòng, ban, đơn vị thuộc Sở (t/h).
- Lưu: VT, KHTC.

GIÁM ĐỐC

Dương Thanh Tùng